**Mẫu số 16. Thông báo xác nhận kết quả đăng ký đất đai**

|  |  |
| --- | --- |
| ……………….**……………….-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |
| Số: ... /TB-ĐKĐĐ.... | *……, ngày .... tháng .... năm ....* |

**THÔNG BÁO XÁC NHẬN KẾT QUẢ ĐẢNG KÝ ĐẤT ĐAI**

1. Thông tin người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất(1):

a) Tên: ........................................................................................................................

b) Giấy tờ nhân thân/pháp nhân: ..................................................................................

c) Địa chỉ: ...................................................................................................................

2. Thông tin về thửa đất đăng ký (2):

a) Thửa đất số: ……………………….. ; b) Tờ bản đồ số: ...............................................

c) Địa chỉ: ...................................................................................................................

d) Diện tích: ………….. m2; sử dụng chung: ………….. m2; sử dụng riêng: …………… m2

đ) Sử dụng vào mục đích: ………………….., từ thời điểm: .............................................

e) Thời hạn đề nghị được sử dụng đất: .........................................................................

g) Nguồn gốc sử dụng đất: ..........................................................................................

h) Có quyền hoặc hạn chế quyền đối với thửa đất liền kề số ……….., tờ bản đồ số ………., của ………, nội dung về quyền đối với thửa đất liền kề ......................................................................................

3. Thông tin về tài sản đăng ký (3):

a) Loại nhà ở, công trình xây dựng: ..............................................................................

b) Diện tích xây dựng: ……………….. m2

c) Diện tích sàn xây dựng/diện tích sử dụng: ………….. m2

d) Sở hữu chung: …………. m2, sở hữu riêng: …………… m2

đ) Số tầng: ….. tầng; trong đó, số tầng nổi: ……… tầng, số tầng hầm: ……. tầng

e) Nguồn gốc: .............................................................................................................

g) Năm hoàn thành xây dựng: ......................................................................................

h) Thời hạn sở hữu: ....................................................................................................

4. Giấy tờ người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất đã nộp(4):

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

5. Kết quả xét duyệt hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất *(đối với hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài)*:

a) Nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã(5):

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

b) Kết luận(6):

- Đối với thửa đất đăng ký ............................................................................................

- Đối với tài sản đăng ký ..............................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- …… | …………… (7)*(Ký tên đóng dấu)* |

**Hướng dẫn:**

(1) Ghi nội dung theo Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất

(2) và (3) Ghi nội dung theo thông tin sau khi xét duyệt.

(4) Ghi các giấy tờ nộp kèm theo Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất.

(5) Ghi các nội dung quy định tại Điều 33 của Nghị định này.

(6) Ghi đủ hay không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận và căn cứ pháp lý (ghi cụ thể theo quy định nào của [Luật Đất đai](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bat-dong-san/Luat-Dat-dai-2024-31-2024-QH15-523642.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank), Nghị định của Chính phủ).

(7) Người có thẩm quyền ban hành Thông báo.